

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA QUAN HỆ MỸ – THÁI LAN: TỪ QUAN HỆ SONG PHƯƠNG TIẾN TỚI HỢP TÁC ĐA PHƯƠNG VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆT NAM

Trần Thị Thu Hà¹

Tóm tắt: Quan hệ Mỹ – Thái Lan là mối quan hệ song phương bền chặt, linh hoạt và có lịch sử hơn 200 năm. Trước những thách thức của xu thế toàn cầu hóa, tiến trình vận động mới trong quan hệ hai nước đã có những bước phát triển phù hợp và bền vững hơn. Cả Mỹ và Thái Lan đều tiến hành những điều chỉnh sâu rộng trong chính sách đối ngoại nhằm thích ứng với bối cảnh quốc tế và đặt trọng tâm vào việc bảo vệ lợi ích quốc gia. Với tư cách là một cường quốc có lợi ích chiến lược bao trùm khắp khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Mỹ cần có sự điều chỉnh linh hoạt trong chiến lược và chính sách với các nước, đặc biệt là các đồng minh truyền thống như Thái Lan nhằm đảm bảo lợi ích lâu dài trong khu vực. Bài viết tập trung phân tích và đánh giá quá trình phát triển của quan hệ Mỹ – Thái Lan từ trước đến sau Chiến tranh Lạnh. Từ thực tiễn mối quan hệ Mỹ – Thái Lan, Việt Nam đã chủ động điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng cân bằng mối quan hệ với các nước nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội hợp tác và hỗ trợ từ những mối quan hệ đó.

Từ khóa: Mỹ, Thái Lan, song phương, đa phương, Việt Nam.

1. MỞ ĐẦU

Quan hệ Mỹ – Thái Lan là cặp quan hệ điển hình trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương với những diễn biến phức tạp trên nhiều phương diện. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, với mục tiêu ngăn chặn sự lan rộng và ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản ở khu vực Đông Nam Á, Mỹ đã rất coi trọng Thái Lan và biến nước này trở thành đồng minh thân cận của mình. Từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ đã điều chỉnh lại chiến lược toàn cầu nói chung và chính sách đối với Châu Á, trong đó có Đông Nam Á và Thái Lan nói riêng. Những vấn đề nổi lên thách thức vị thế của Mỹ là chủ nghĩa khủng bố và sự trỗi dậy của Trung Quốc. Nằm ở địa bàn quan trọng trong cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố, vai trò đồng minh của Thái Lan được Mỹ quan tâm trở lại và được Mỹ cấp quy chế “đồng minh chủ chốt ngoài NATO”. Mặc dù vậy, một nước luôn theo đuổi chính sách “ngoại giao cây tre” như Thái Lan, sự trỗi dậy của Trung Quốc đã làm cho quốc gia này trở nên cân bằng hơn trong quan hệ giữa hai cực Mỹ – Trung. Chính các yếu tố này đã làm thay đổi nhiều mặt của quan hệ Mỹ – Thái. Nói cách khác, cặp quan hệ Mỹ – Thái Lan đã phản ánh rõ xu hướng vận động của trật tự thế giới và quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, cũng như những chuyển biến trong tiến trình vận động của

¹ Trường ĐHSP Hà Nội 2

mối quan hệ này. Bài viết sẽ tập trung làm rõ: mối quan hệ song phương giữa Mỹ – Thái Lan trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh; sự phát triển của mối quan hệ hợp tác song phương và đa phương giữa hai quốc gia trong bối cảnh mới từ sau khi Chiến tranh kết thúc đến thập niên đầu thế kỷ XXI, từ đó đánh giá tác động của mối quan hệ này đến Việt Nam.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Quan hệ song phương Mỹ – Thái Lan trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh

Trong những năm 1947–1991 mối quan hệ Mỹ – Thái Lan đã phản ánh rất rõ cục diện Chiến tranh Lạnh, đặc biệt là ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, mối quan hệ này cũng tương đối phức tạp và luôn được điều chỉnh tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử của mỗi nước, của khu vực cũng như trên thế giới. Quan hệ Mỹ – Thái Lan không chỉ phát triển trong khuôn khổ song phương mà còn được mở rộng và gắn kết chặt chẽ trong cơ chế hợp tác đa phương, phản ánh chiến lược đối ngoại toàn cầu của Mỹ và vai trò địa chiến lược quan trọng của Thái Lan tại Đông Nam Á.

Các nhà lãnh đạo của Mỹ và Thái Lan đã tạo lập được các mối quan hệ song phương rất chặt chẽ kể từ những năm 1940. Khi Mỹ tham gia chiến tranh ở Thái Bình Dương và chính thức chuyển hẳn sang chiến lược can thiệp toàn cầu, Thái Lan được họ xem là một trong những địa bàn quân sự và chính trị quan trọng ở khu vực Đông Nam Á cần không chế. Thái Lan được chính quyền Mỹ coi là “phòng tuyến Tây sông Mekong”, là nước tiền tiêu bảo vệ “thế giới tự do” ở khu vực. Về phần Thái Lan, sự can thiệp của Mỹ vào Đông Dương đã dẫn đến sự thay đổi trong chính sách đối ngoại, khiến Thái Lan trở nên thân Mỹ hơn. Sự thay đổi này phù hợp với truyền thống ngoại giao linh hoạt của Thái Lan. Chính sách thân Mỹ của Thái Lan được củng cố bởi mối lo ngại đến từ Trung Quốc, điều mà học giả Ganganath Jha nhìn nhận như “một trong những động lực” [3, tr.80] cho sự hợp tác giữa Mỹ và Thái Lan. Các nhà cầm quyền Thái Lan cho rằng “nước Trung Quốc dưới ách thống trị của chủ nghĩa cộng sản đi ngược lại với một nước Thái Lan dưới sự lãnh đạo của Phibun” [6, tr.105]. Từ đó, Thái Lan chia sẻ với Mỹ mối lo ngại về cái gọi là sự lan tràn chủ nghĩa cộng sản và liên minh Mỹ – Thái Lan từng bước được hình thành, phát triển.

Qua đó có thể thấy được, lý do căn bản cho sự hình thành đồng minh quân sự Mỹ – Thái trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh là lợi ích nhằm chống lại sự đe dọa của chủ nghĩa cộng sản. Thái Lan và Mỹ đã chính thức hóa mối quan hệ đồng minh trong Hiệp ước Manila 1954 và việc Thái Lan tham gia vào khối quân sự SEATO (khối phòng thủ Đông Nam Á) đã đánh dấu chính sách đối ngoại của Thái bước hẳn vào quỹ đạo của Mỹ. Theo Hiệp ước Manila, các thành viên SEATO nhất trí hỗ trợ hoặc phòng thủ lẫn nhau chống lại các mối

đe dọa toàn vẹn lãnh thổ. Thái Lan đồng thời cũng đóng góp binh lính của mình vào các lực lượng hậu thuẫn cho Mỹ tại Lào và Việt Nam. Ngược lại, Mỹ cam kết đảm bảo an ninh và hỗ trợ một cách sâu rộng cho kinh tế và quân sự tại Thái Lan. Mỹ là đối tác song phương lớn nhất, đồng thời cũng là nước chi phối quyết định của các tổ chức tài chính như WB (Ngân hàng thế giới), IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế) đối với Thái Lan. Ngược lại, để nhận được viện trợ của Mỹ, Thái Lan buộc phải chấp nhận sự có mặt ngày càng nhiều của hàng hóa Mỹ, các nhà đầu tư Mỹ, xuất khẩu cũng bị thị trường Mỹ chi phối mạnh mẽ. Mỹ còn can thiệp vào việc cải cách bộ máy hành chính Thái Lan và thúc đẩy chính quyền Thái Lan tiến hành cuộc chiến chống lại lực lượng cộng sản ở Đông Bắc Thái Lan nói riêng và Đông Dương nói chung. Chính trong bối cảnh đó đã gắn kết các lợi ích giữa Mỹ và Thái Lan; mối quan hệ song phương giữa hai quốc gia đã phát triển từ một mức độ rất lỏng lẻo ở thời điểm trước Chiến tranh thế giới thứ hai sang mối quan hệ thân thiết, phụ thuộc vào những thập niên đầu hậu chiến tranh.

Chiến tranh Việt Nam là một trong những nhân tố làm gia tăng ý nghĩa chiến lược của Thái Lan trong con mắt của các nhà hoạch định chính sách đối ngoại Mỹ. Thái Lan có vai trò trong khu vực là thực hiện và gửi quân tham gia chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam. Sau đó, Mỹ, Thái đã tiếp tục khẳng định mối quan hệ này qua Thông cáo chung Thanat–Rusk 1962. Thông cáo này cho phép Mỹ được quyền “bảo vệ” nước Thái mà không cần có sự thỏa thuận của các nước khác trong khối ASEAN: “trong trường hợp xâm lược, nước Mỹ dưới khuôn khổ đã định của SEATO, phù hợp với tiến trình pháp lý, sẽ hành động cùng Thái Lan đối mặt với mối đe dọa chung mà trước đó không cần tư vấn tất cả các nước thành viên SEATO, vì nghĩa vụ của hiệp ước vừa mang tính tập thể vừa cá nhân” [9, tr.15–16].

Tuy nhiên, thất bại của Mỹ ở chiến tranh Việt Nam đã mở ra một giai đoạn điều chỉnh mối quan hệ đồng minh Mỹ – Thái. Phía Thái Lan đã chỉ rõ nguyên nhân gốc rễ của giai đoạn mối quan hệ đồng minh bị suy yếu là do “sự suy giảm mối quan tâm chung”. Sau chiến tranh Việt Nam, Mỹ rút ra khỏi khu vực để giải quyết các vấn đề trong nước, đối mặt với cái gọi là “Hội chứng Việt Nam”. Mối quan hệ Mỹ – Thái Lan lúc này vẫn tập trung chủ yếu xung quanh vấn đề chính trị – an ninh và chịu sự chi phối của nhân tố Campuchia, nhân tố Trung Quốc. Sự lớn mạnh của Trung Quốc trong khu vực là một yếu tố tạo ra khoảng cách giữa Mỹ và Thái Lan, mặc dù vào thời điểm này Mỹ cũng đang bình thường hóa mối quan hệ với Bắc Kinh. Trung Quốc đã tiến trước trong mối quan hệ với Thái Lan. Bởi lẽ, Thái Lan đã có lịch sử quan hệ lâu năm với Trung Quốc như một trong những đối tác thân cận tại khu vực Đông Nam Á. Sự gắn kết Trung – Thái đã tạo cơ hội cho Thái Lan nâng cao vị thế của mình đối với Washington và khiến cho mối quan hệ Thái – Mỹ bị ảnh hưởng là điều không thể tránh khỏi. Chính nhờ chính sách ngoại giao nổi

bật của Thái Lan là khéo léo cảm nhận được những thay đổi theo “chiều gió” và tự điều chỉnh cho phù hợp, qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử thế giới trong thế kỷ XX, Thái Lan vẫn giữ được nền độc lập.

Như vậy, mối quan hệ Mỹ – Thái trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh về cơ bản được đánh giá là mối quan hệ đồng minh bền chặt, hai bên cùng có lợi. Tuy có lúc mối quan hệ này suy yếu nhưng sau đó nhanh chóng được kết nối lại. Chính vì vậy sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ và Thái đã có một cơ sở nền tảng lâu đời để tiếp tục duy trì quan hệ đồng minh và đẩy mạnh quan hệ đối tác chiến lược trong bối cảnh mới của khu vực và thế giới.

2.2. Quan hệ hợp tác song phương và đa phương Mỹ – Thái Lan trong bối cảnh mới

Trong thập niên cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, do điều kiện chính trị thế giới mới, quan hệ Mỹ – Thái vẫn tiếp tục được nối lại và còn là một trong những mối quan hệ song phương quan trọng hàng đầu của Thái Lan và của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á.

Về phía Mỹ, Mỹ cần Thái Lan với tư cách là đồng minh để hỗ trợ cho chính sách toàn cầu của mình. Hơn nữa, để tăng cường kiểm soát các cơ chế đa phương tại khu vực Đông Nam Á, nhất là ARF (Diễn đàn khu vực ASEAN), EAS (Hội nghị cấp cao Đông Á), Mỹ nhận thấy vai trò của Thái Lan trong việc tập hợp các nước ASEAN nhằm đối phó với những thách thức trong khu vực. Đặc biệt, Thái Lan với tư cách đồng minh sẽ giúp hợp pháp hóa chính sách chống khủng bố của Mỹ và biện minh cho việc Mỹ đưa quân vào Afghanistan và Iraq. Vì vậy, trong quan hệ với Thái Lan, Mỹ đã tiến tới cơ chế hợp tác đa phương.

Về phía Thái Lan: Thái Lan cần khẳng định vai trò của mình ở khu vực Đông Nam Á – một nước có vị thế đầu tàu của cộng đồng khu vực ASEAN 10, điều mà những năm cuối thế kỷ XX Thái Lan đã làm nhưng chưa được rõ nét như ý muốn. Đối với Mỹ, Thái Lan cũng cần phải tính toán lại rất nhiều bởi sự thay đổi của môi trường quốc tế, sự điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ cũng như chính sách của Mỹ với khu vực Đông Nam Á. Yếu tố kinh tế trở thành yếu tố quan trọng hàng đầu trong chính sách đối ngoại của các quốc gia. Chính sách “Biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường” của Thái Lan đã cho thấy tiềm năng to lớn của thị trường Đông Dương nói riêng và ASEAN nói chung. Tuy nhiên, đối với Thái Lan thị trường ASEAN và Đông Dương còn rất mới mẻ, nên để phục hồi nền kinh tế của mình, Thái Lan vẫn cần tiếp tục quan hệ với Mỹ. Mỹ vốn là thị trường quen thuộc và là thị trường xuất khẩu quan trọng hàng đầu của Thái Lan. Vì vậy, Thái Lan đặt quan hệ với Mỹ trong tổng thể đối ngoại đa phương, đa dạng hóa, ưu tiên cho hợp tác khu vực.

Quá trình hợp tác song phương và đa phương giữa Mỹ và Thái Lan được đẩy mạnh trên phương diện chính trị, an ninh và kinh tế. Chính những mối quan tâm chung về kinh tế và an ninh từ lâu đã tạo ra nền tảng cho sự hợp tác Mỹ – Thái.

Về chính trị: xuất phát từ nhóm lợi ích về kinh tế, địa chính trị và an ninh, từ lâu Mỹ đã có mối quan hệ song phương chặt chẽ với nhiều quốc gia Đông Nam Á như: đồng minh thân thiết (Thái Lan, Philippines), đối tác chiến lược (Singapore), đối tác chiến lược tiềm năng (Indonesia, Malaysia, Việt Nam). Theo một số quan điểm không chính thống trong chính giới Mỹ, việc Mỹ thắt chặt quan hệ chính trị – ngoại giao song phương với các quốc gia trong ASEAN chính là điều kiện đủ để đảm bảo chỗ đứng và vai trò của Mỹ trong khu vực này. Tuy nhiên, với nguyên tắc tham vấn và đồng thuận bao trùm lên các cuộc họp và hoạt động của ASEAN thì đòi hỏi Mỹ phải có một sự cam kết đa phương. Thông qua Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) từ năm 1994, Đối thoại an ninh Shangri-la được tổ chức thường niên từ năm 2002, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+) lần đầu tiên năm 2010, Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) năm 2011... đã cho thấy Mỹ ngày càng đề cao cách tiếp cận đa phương với khu vực Đông Nam Á. Thái Lan được Mỹ kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho sự can dự cũng như những sáng kiến của Mỹ, nhất là thời kỳ Thái Lan nắm giữ cương vị Tổng thư ký ASEAN (2007–2012), Chủ tịch ASEAN (2009), và Điều phối viên quan hệ ASEAN – Trung Quốc. Các thỏa thuận hợp tác Thái – Mỹ trong những năm đầu của thế kỷ XXI như: ARF, EAS, ADMM+, UN (Liên hợp quốc)... đều nhấn mạnh sự phối hợp trong các cơ chế hợp tác đa phương. Hơn nữa, Thái Lan cũng nhìn nhận thấy nhu cầu của Mỹ trong hợp tác, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn nhất là Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ với Đông Nam Á lục địa và hợp tác Tiểu vùng sông Mekong, trong đó Thái Lan được xem là giữ vai trò dẫn dắt hợp tác tiểu vùng. Tại Hội nghị ASEAN (tháng/2009) tại Phuket, Thái Lan, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã công bố một sáng kiến mới – Sáng kiến hạ lưu sông Mekong (LMI). Mỹ đã sử dụng cơ chế hợp tác ở tiểu vùng để góp phần mở rộng mạng lưới đồng minh và đối tác khu vực, củng cố hợp tác với toàn khối ASEAN, kiềm chế sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Rõ ràng, LMI đã bước đầu kết hợp được cả hai “quyền lực mềm và quyền lực thông minh”[7] và đây là một bước đi có nhiều tính toán, tạo một “xương sống” mạnh hơn trong trục quan hệ ASEAN – Mỹ, trong một bối cảnh khu vực Đông Nam Á đang có những thay đổi mạnh mẽ về môi trường địa chiến lược.

Về an ninh: Thái Lan là đồng minh hiệp ước của Mỹ và được Mỹ xem là một trong các “át chủ bài” tại các thể chế hợp tác đa phương ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, nhất là trong bối cảnh Mỹ đang đẩy mạnh “tái cân bằng” ở khu vực. Trong đó, hoạt động an ninh nổi bật là các cuộc tập trận chung hàng năm (Hỗ mang vàng bắt đầu từ năm 1981), với ba nội dung chính: tham mưu tác chiến đa

phương, tập trận thực địa, cứu trợ nhân đạo được coi là yếu tố cốt lõi của quan hệ Mỹ – Thái. Cuộc tập trận Hổ mang vàng đã dần trở thành nền tảng cho “chủ nghĩa đa phương tiềm tàng”, có nghĩa là một cuộc tập trận song phương đã và đang âm thầm đa phương hóa. Hổ mang vàng đã mở cửa cho Nhật Bản và Singapore tham gia, đồng thời chào đón quan sát viên từ các nước như Trung Quốc, Việt Nam, và Pháp trong số 33 nước tham gia. Theo đó, Hổ mang vàng được xem như cách thích đáng nhất để đa phương hóa an ninh trong khu vực châu Á bởi một kế hoạch quy mô lớn hơn sẽ gần như chắc chắn không thành công. Ngoài ra, hợp tác quân sự đa phương giữa Mỹ và Đông Nam Á còn bao gồm các vấn đề an ninh hàng hải khu vực biển Andaman, eo biển Malacca và vùng biển Nam Trung Quốc. Thái Lan và Mỹ cũng tổ chức một lực lượng đặc nhiệm liên ngành hỗ trợ các hoạt động chống ma túy ở vùng Thái Bình Dương, bao gồm khu vực sông Mekong, Tam Giác Vàng và vùng biển Andaman. Thêm vào đó, quân đội Thái Lan cùng quân đội hơn 100 quốc gia tham gia các cuộc tập trận toàn cầu chống khủng bố [5, tr.35]. Ngoài ra, ở cấp độ đa phương Myanmar vẫn là trung tâm những vấn đề của khu vực. Chức Chủ tịch ASEAN (năm 2009) của Thái Lan đã mang tới nhiều cơ hội lớn cho Thái Lan trong việc định hướng để khởi động lại các cuộc đối thoại nhằm khôi phục và thảo luận các vấn đề liên quan tới Myanmar. Đồng thời, chức chủ tịch ASEAN của Thái Lan tạo ra các cơ hội để khôi phục lại những quan tâm của các quan chức chính phủ Mỹ và để Thái Lan có thể được chú ý nhiều hơn trong chương trình nghị sự của Mỹ.

Về kinh tế: quan hệ kinh tế Mỹ – Thái là mối quan hệ song phương lâu dài nhất mà Mỹ đã có với một quốc gia Châu Á. Trong bối cảnh mới, Mỹ tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ kinh tế với Thái Lan thông qua hợp tác thương mại và đầu tư. Về phía Thái Lan, các nhà lãnh đạo Thái Lan cũng nhận ra rằng sự phát triển của quốc gia phụ thuộc vào sự hội nhập ngày càng tăng vào các thị trường tài chính, đầu tư và thương mại toàn cầu. Trong đó, Mỹ là đối tác truyền thống và cũng là đối tác kinh tế quan trọng giúp Thái Lan hội nhập thành công. Chính vì vậy, đối với Thái Lan, Mỹ là đối tác không thể thiếu.

Ở cấp độ song phương, ngay sau khi nhậm chức Thủ tướng, Thaksin đã tới thăm Bộ Ngoại giao Mỹ. Ông đưa vấn đề hợp tác kinh tế song phương Mỹ – Thái ra thảo luận với các quan chức cấp cao Nhà Trắng và được phía Mỹ nhanh chóng tán thành. Tuy nhiên, để có được kết quả như vậy là do phía Thái Lan và Mỹ đã tiếp xúc, bàn bạc với nhau từ kỳ họp tháng 10/2001 nhân Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC). Đến tháng 4/2002, sau cuộc họp các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN với đại diện thương mại Mỹ tại Bangkok, vấn đề hợp tác kinh tế song phương Mỹ – Thái Lan đã được thảo luận rất kỹ lưỡng. Trong những cuộc hội đàm sau đó về kinh tế Mỹ – Thái Lan, Thái Lan đã hứa hẹn sẽ giúp Mỹ trong việc mở cửa vào thị trường ASEAN; Thái Lan đồng ý làm cầu nối giữa Mỹ và Trung Quốc; Thái Lan yêu cầu Mỹ mở cửa thị trường nông sản cho hàng hóa của Thái Lan vào Mỹ như thỏa thuận Tổ chức thương mại thế giới (WTO); tiếp tục cho Thái Lan được ưu đãi thuế, được quyền bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và đưa Thái Lan

ra khỏi danh sách những nước bị theo dõi... Thái Lan tiếp tục đề nghị mở rộng khu vực mậu dịch tự do với Mỹ nhằm đưa đầu tư và du lịch Mỹ – Thái phát triển, đồng thời với việc xúc tiến triển khai khu vực mậu dịch tự do với Trung Quốc và Nhật Bản. Đồng thời, trong quá trình đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Thái Lan và Mỹ đã đề cập tới một chương trong bản hiệp định cuối cùng là xây dựng năng lực thương mại (TCB). Thông qua nhóm TCB, các cơ quan của Mỹ và Thái Lan đã tiến hành gần 50 dự án hợp tác về hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực để chuẩn bị cho hiệp định FTA. Các dự án xây dựng năng lực dưới hình thức các cuộc tập huấn và hội thảo tổ chức cho cơ quan thương mại và khu vực tư nhân Thái Lan trải rộng trên nhiều lĩnh vực, chủ đề từ quy chế thương mại, tiêu chuẩn công nghiệp, an toàn thực phẩm tới hậu cần. Các cơ quan Mỹ làm việc với Viện Tiêu chuẩn công nghiệp Thái Lan để đưa các chuyên gia từ Mỹ về thực hiện các hội thảo về an toàn thực phẩm. Thái Lan và Mỹ cũng hợp tác trong các hội nghị chuyên đề về hậu cần, mời các chuyên gia từ Mỹ tới thảo luận về sự phát triển của ngành hậu cần. Các chuyên gia Mỹ về lĩnh vực hậu cần làm việc với Liên hiệp Hậu cần Thái Lan và các trường đại học Thái Lan để phát triển một chương trình giảng dạy hậu cần ở Thái Lan. Dù đàm phán bị hoãn lại, một vài chương trình xây dựng năng lực vẫn tiếp tục được tiến hành.

Ở cấp độ đa phương: Cả Mỹ và Thái Lan đều cảm nhận được những tác động của việc đình chỉ vòng đàm phán Doha. Cả hai quốc gia đều hướng đến mục tiêu chung trong vòng đàm phán Doha. Và bởi lẽ đó, Mỹ và Thái Lan cùng chia sẻ lợi ích khi chứng kiến sự tiếp diễn của các cuộc đàm phán. Tại APEC, Mỹ và Thái Lan là đối tác trong rất nhiều dự án. Xuyên suốt APEC, Mỹ đã đề xuất một đường lối kiểu mẫu về quyền sở hữu trí tuệ (IPRs) rất có lợi cho Thái Lan khi nâng việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại nước này. Thái Lan có thể học hỏi từ Mỹ cách thức để giáo dục cộng đồng về giá trị của quyền sở hữu trí tuệ, đó là các tài sản cần phải bảo vệ. Hơn nữa, Mỹ và Thái Lan có thể cùng cộng tác để xây dựng và củng cố mối quan hệ đối tác kinh tế thông qua các nước thứ ba, điều có thể mang đến sự thịnh vượng kinh tế to lớn hơn trong khu vực. Vị trí địa lý thuận lợi của Thái Lan đưa nó trở thành trung tâm của rất nhiều thị trường trọng yếu. Thái Lan đã ký kết nhiều hiệp định FTA với các nước láng giềng, các quốc gia Nam Á và Trung Quốc. Do đó, Thái Lan có vai trò như cánh cổng mà qua đó Mỹ có thể tham dự nhiều hơn vào các vấn đề trong khu vực.

2.3. Tác động đến Việt Nam

Quan hệ Mỹ – Thái Lan là quan hệ đặc biệt trong khu vực Đông Nam Á. Đặt trong bối cảnh sau Chiến tranh Lạnh, khi Đông Nam Á đang phải đối mặt với một loạt đe dọa an ninh phi truyền thống, vị trí địa chiến lược của Thái Lan và lịch sử mối quan hệ lâu đời Mỹ – Thái có thể được coi là một trong những yếu tố quan trọng góp phần giải quyết các vấn đề trong khu vực, tác động đến ASEAN, trong đó có Việt Nam.

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh: Giai đoạn 1954 – 1975, quan hệ đồng minh chặt

chẽ giữa Mỹ và Thái Lan đã tác động trực tiếp đến Việt Nam, đặc biệt là trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Thái Lan đã cho phép Mỹ sử dụng các căn cứ không quân để tiến hành các chiến dịch không kích vào Việt Nam và Lào; Thái Lan đưa quân đội tham gia trực tiếp trên chiến trường miền Nam Việt Nam từ năm 1967 bên cạnh quân đội Sài Gòn và quân đội Mỹ. Các hoạt động quân sự giữa Mỹ và Thái Lan trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam (1954 – 1975), đã hỗ trợ trực tiếp cho chiến lược quân sự của Mỹ tại Việt Nam; đã khiến cho cho xung đột ở Đông Dương không còn dừng lại ở tính chất của một cuộc nội chiến hay chiến tranh mang tính đối đầu đơn thuần giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam, mà đã phát triển thành một cuộc chiến tranh khu vực với sự tham gia trực tiếp và sâu rộng của các lực lượng đồng minh do Mỹ đứng đầu. Điều này đã làm gia tăng thách thức cho Việt Nam trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ.

Từ sau năm 1975 đến năm 1991 quan hệ Mỹ – Thái Lan tác động rõ nhất là sự ảnh hưởng đến quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN, đồng thời tiếp tục gây sức ép về an ninh và ngoại giao đối với Việt Nam trong vấn đề Campuchia. Việc Thái Lan gắn bó chặt chẽ với Mỹ khiến Việt Nam sau 1975 gặp nhiều trở ngại trong việc hòa nhập với ASEAN. Bởi lẽ, ASEAN khi đó bị xem là tổ chức nghiêng về phương Tây, trong khi Việt Nam là quốc gia đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Thái Lan với vai trò là một trong những thành viên sáng lập ASEAN, có mối liên hệ mật thiết với Mỹ, từng giữ thái độ đối đầu và hoài nghi đối với Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh xung đột Campuchia. Tuy nhiên, từ cuối thập niên 1980, cùng với sự thay đổi của cục diện Chiến tranh Lạnh, quan hệ Mỹ – Thái Lan lại có tác động tích cực, góp phần thúc đẩy tiến trình giải quyết xung đột khu vực, tạo tiền đề cho Việt Nam hội nhập và bình thường hóa quan hệ quốc tế sau năm 1991. Thái Lan đã tăng cường đối thoại với Việt Nam, góp phần thúc đẩy Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995. Như vậy, quan hệ Mỹ – Thái, đặc biệt vai trò trung gian của Thái Lan trong ASEAN, đã ảnh hưởng rõ rệt đến tiến trình hội nhập khu vực của Việt Nam.

Trong bối cảnh mới sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh: Quan hệ Mỹ – Thái Lan đã có ảnh hưởng đến định hình nhận thức chiến lược của Việt Nam trong giai đoạn đầu hội nhập ASEAN, khi Việt Nam nhận thức rõ hơn về vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với an ninh và phát triển khu vực Đông Nam Á. Từ đó, Việt Nam đã chủ động điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, tham gia đầy đủ vào các diễn đàn khu vực mà ASEAN khởi xướng và Mỹ có ảnh hưởng nhất định.

Xuyên suốt trong mối quan hệ song phương giữa Mỹ và Thái Lan là những nỗ lực nhằm đạt được mục tiêu chiến lược của mình. Đồng thời, cả Mỹ và Thái Lan đều đã thúc đẩy cơ chế hợp tác đa phương với các nước trong khu vực ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Châu Âu. Đây được coi là tấm vé thông hành để Mỹ duy trì vị trí số một của mình. Đối với Thái Lan, cơ chế đa phương hóa là một trong những nội dung của chính sách đối ngoại. Sự

linh hoạt, mềm dẻo và chính sách ngoại giao cây tre truyền thống là động lực chính để Thái Lan tăng cường đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ về kinh tế, chính trị và văn hóa với nhiều nước trên thế giới. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã thay đổi chiến lược chính sách đối ngoại của mình – chiến lược “ngoại giao cây tre” mềm dẻo nhưng kiên cường, linh hoạt mà nguyên tắc. Thực tiễn cho thấy Việt Nam khéo léo vận dụng cả kênh ngoại giao, kinh tế lẫn quốc phòng để duy trì quan hệ tốt với Mỹ, với Thái Lan mà không bị lệ thuộc hoặc đối đầu trực tiếp.

Năm 2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Trong đó, Việt Nam xác định rõ định hướng duy trì thế cân bằng chiến lược với các nước lớn, nghĩa là “cần tạo ra lợi ích chiến lược đan xen giữa Việt Nam với các nước lớn, các đối tác chiến lược, các nước láng giềng và các nước trong khu vực thông qua tăng cường hợp tác, tránh xung đột, đối đầu, cô lập, phụ thuộc” [2]. Việt Nam đã theo đuổi chiến lược đối ngoại cân bằng giữa các nước lớn nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc. Năm 2013, Việt Nam thiết lập “đối tác toàn diện” và đến 09/2023 đã nâng cấp lên đối tác chiến lược toàn diện – mức cao nhất với Mỹ. Bên cạnh đó, Việt Nam đẩy mạnh quan hệ song phương với tất cả các nước lớn theo hướng đối tác. Tháng 6 – 2013, Việt Nam và Thái Lan chính thức nâng cấp quan hệ lên “đối tác chiến lược”, trở thành hai quốc gia đầu tiên trong khối ASEAN thiết lập quan hệ đối tác chiến lược.

Trong lĩnh vực kinh tế, Mỹ mở rộng danh sách “các thị trường đang nổi lên” sang cả các nước thành viên khối ASEAN và từ năm 1993 luôn coi các thị trường này là những vị trí chủ chốt trong việc thúc đẩy hợp tác thương mại bên ngoài. Tháng 7/1997, khi cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ xảy ra tại Thái Lan và lan rộng, Mỹ đã thông qua IMF bỏ ra 100 tỷ USD giúp các nước Đông Nam Á và Hàn Quốc. Mỹ đã đề xuất Sáng kiến Kết nối ASEAN – Mỹ nhằm thúc đẩy kết nối doanh nghiệp, mở rộng cơ hội hợp tác đầu tư, thương mại. Mỹ còn thành lập Trung tâm kết nối ASEAN – Mỹ tại Jakarta và các chi nhánh của Trung tâm kết nối ASEAN – Mỹ tại Singapore và Bangkok trong các cơ quan đại diện ở các nước này. Mỹ cũng ủng hộ Sáng kiến Hợp tác kinh tế mở rộng (E3) và Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư ASEAN – Mỹ, xem đây như một kênh hỗ trợ cho Hiệp định TPP.

Việt Nam là một quốc gia trong ASEAN cho nên cũng sẽ là một nhân tố được hưởng lợi từ quá trình đầu tư của Mỹ vào ASEAN. Trong quá trình hợp tác song phương về chính trị, an ninh, kinh tế Mỹ – Thái, Thái Lan đã hứa hẹn sẽ giúp Mỹ trong việc mở cửa vào thị trường ASEAN. Thái Lan đóng vai trò là người tập hợp những ý kiến của từng bên trong hợp tác giữa các Bộ trưởng kinh tế ASEAN và đại diện thương mại Mỹ, trong đó có những vấn đề như: thiết lập thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc, phương hướng mở rộng đầu tư của Mỹ vào ASEAN, đề nghị Mỹ mở cửa hơn nữa cho hàng hóa của ASEAN vào thị

trường Mỹ... Về phía Mỹ, thông qua đại diện của ASEAN là Thái Lan, Mỹ cũng đã đồng ý thỏa thuận một số vấn đề cơ bản như: mở rộng đầu tư, thương mại, kiểm soát quyền sở hữu trí tuệ, các thủ tục hải quan, quá trình gia nhập WTO của một số thành viên ASEAN trong đó có Việt Nam, cả chiến lược ASEAN đối với các quốc gia ngoài khu vực gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

3. KẾT LUẬN

Xét một cách toàn diện, mối quan hệ Mỹ – Thái Lan là mối quan hệ song phương đa dạng, sâu sắc. Mối quan hệ này đã vượt qua được những hỗn loạn do sự thay đổi và các thách thức địa chính trị để tiếp tục được duy trì và phát triển trong bối cảnh mới. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh đây là mối quan hệ “đồng minh quân sự” chặt chẽ, thì sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, “đồng minh quân sự” không còn là yếu tố duy nhất định nghĩa mối quan hệ này. Xu hướng vừa hợp tác, vừa đấu tranh và những tính toán đa dạng trong lợi ích quốc gia của mỗi nước đã làm cho quan hệ Mỹ – Thái phát triển theo hướng cân bằng hơn. Hợp tác giữa hai nước được triển khai đa chiều hơn gồm cả quan hệ song phương và quan hệ đa phương. Mối quan hệ này cũng mang tính chất bình đẳng hơn và Thái Lan không còn bị phụ thuộc hoàn toàn vào Mỹ, bởi lẽ bản thân Thái Lan cũng được coi là một “đầu sỏ” trên chính trường quốc tế. Mỹ cần duy trì mối quan hệ đồng minh với Thái để đạt được mục tiêu của mình ở khu vực Đông Nam Á, cao nhất là lợi ích quốc gia. Con đường mà Washington cần tiếp tục tận dụng và đẩy mạnh là giữ vững quan hệ với các đồng minh hiệp ước của mình như: Bangkok, Canberra, Manila, Seoul và Tokyo. Những cơ hội mới đã được mở ra cho Washington để tái tham gia vào khu vực Đông Nam Á và tiếp tục khẳng định vị thế của mình. Việt Nam cần cân bằng mối quan hệ giữa một nước đang phát triển với các cường quốc, để tạo mức độ độc lập nhất định với các thế lực bên ngoài mà vẫn tranh thủ được những lợi ích từ các quan hệ đó. Chính vì vậy, tăng cường quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam với Mỹ và Thái Lan là phù hợp với xu thế chung của bối cảnh thế giới và khu vực thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Xuân Bình (chủ biên) (2014), *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Hoa Kỳ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. *Chính sách cân bằng nước lớn của Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung*, <https://nghienquochienluoc.org/chinh-sach-can-bang-nuoc-lon-cua-viet-nam-trong-boi-can-canh-tranh-chien-luoc-my-trung/>, ngày 24/7/2023.
3. Ganganath Jha (1979), *Foreign Policy of Thailand*, New Delhi: Radiant Publishers.
4. Trần Khánh (chủ biên) (2014), *Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ – Trung ở Đông Nam Á ba thập niên đầu sau Chiến tranh Lạnh*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

5. Nongnuth Phetcharatana (2009), *Thai – U.S Relations: 175 Years and Beyond*, The Department of American and South Pacific Affairs, The Ministry of Foreign Affairs.
6. Nuechterlain Donald E. (1965), *Thailand and the Struggle for Southeast Asia*, New York: Cornell University Press.
7. Mekong, Tipping point: *Hydropower Dams, Human Security and Regional Stability*, Richard Cronin, Timothy Hamlin, The Henry Stimson Center 2010, www.stimson.org.
8. Randall B. Ripley, James M. Linsay (2002), *U.S Foreign Policy after the Cold War* (Chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. William Warren, Wiwat Mungkandi, (1982), *A century and a half of Thai – American Relations*, Chulalongkorn University Press Bangkok, Thailand.

THE DEVELOPMENT OF US – THAILAND RELATIONS: FROM BILATERAL ENGAGEMENT TO MULTILATERAL COOPERATION AND ITS IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Tran Thi Thu Ha

Abstract: *The United States–Thailand relationship is a resilient and flexible bilateral partnership with a history spanning over two centuries. In the face of globalization and its accompanying challenges, the evolving dynamics of the two countries' relations have undergone significant adjustments toward greater sustainability and alignment with contemporary international realities. Both the United States and Thailand have implemented extensive reforms in their foreign policies, prioritizing the safeguarding of national interests and adapting to a rapidly changing global context. As a major power with strategic interests that extend across the Asia–Pacific region, the United States has found it imperative to recalibrate its strategies and policies, particularly in relation to traditional allies such as Thailand, to ensure long–term regional stability and influence. This paper focuses on analyzing and evaluating the development of US.–Thailand relations from the Cold War period to the present. From the empirical case of US.–Thailand relations, it is evident that Vietnam has proactively adjusted its foreign policy toward a more balanced approach in engaging with major powers. This strategic orientation enables Vietnam to maintain a degree of autonomy while effectively leveraging opportunities for cooperation and external support.*

Keywords: *United States, Thailand, bilateral, multilateral, Vietnam.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-3-2025; ngày phản biện đánh giá: 28-3-2025;
ngày chấp nhận đăng: 21-4-2025)